TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM NÔNG** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 274/2020/QĐST-HNGĐ	*Tam Nông, ngày 30 tháng 10 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 353/2020/TLST/HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị B, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: anh Trần Văn D, sinh năm: 1984.

HKTT: ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Chỗ ở hiện nay: ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 10 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 10 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị B và anh Trần Văn D (Theo giấy chứng nhận kết hôn (bản chính) số 06, quyển số 01 ngày 04/02/2013 tại UBND xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp).

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị B và anh Trần Văn D cùng thuận tình ly hôn.

- Về con chung: chị Nguyễn Thị B được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là cháu Trần Văn C, sinh ngày 02/06/2005 và Trần Thị Mỹ T, sinh ngày 27/03/2015, hiện nay hai con chung đang sống với chị B.

Anh Trần Văn D có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi hai con chung Trần Văn C, sinh ngày 02/06/2005 và Trần Thị Mỹ T, sinh ngày 27/03/2015, mức cấp dưỡng mỗi tháng đối với mỗi cháu bằng ½ tháng lương cơ sở do Nhà Nước qui định (hiện nay mức lương cơ sở là 1.490.000 đồng/tháng) theo từng thời điểm, thời gian cấp dưỡng từ tháng 10/2020 cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi

Anh Trần Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con theo quy định pháp luật mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự thống nhất trình bày không có.

- **Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:** Chị Nguyễn Thị B tự nguyện chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0010496, quyển số 0210, ngày 12/10/2020 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp. Chị Nguyễn Thị B được hoàn trả số tiền chênh lệch là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Anh Trần Văn D không phải nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh D phải nộp tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THA huyện cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Châu Thị Đông Cúc